

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 411/2024/HS-PT

Ngày: 14/11/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán: - Bà Phạm Thị Uyên Thy.

- Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 369/2024/TLPT-HS ngày 22/10/2024 đối với bị cáo Bùi Thanh S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 227/2024/HSST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh S; sinh năm 1990; tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: E, ấp 5A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số thuộc tổ b, ấp R, xã B, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Lê Thị Ngọc T; chung như vợ chồng với Trần Thị Thu T (là bị cáo trong cùng vụ án); con: Có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/5/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, về tội “Trộm cắp T sản” tại Bản án số 116/2008/HSST; đã nộp án phí ngày 28/9/2009 (theo Công văn số 1162/CCTHADS ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 12/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 128/QĐ-TA; chấp hành xong Quyết định ngày 12/3/2017 (theo Giấy chứng nhận số

35/GCN – TTGDLDXH ngày 20/01/2017 của Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phú Đức). Ngày 19/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 21 tháng theo Quyết định số 452/QĐ-TA; chấp hành xong Quyết định ngày 02/5/2020 (theo Giấy chứng nhận số 201/GCN – CSPV ngày 06/4/2020 của Cơ sở cai nghiện ma túy bảo trợ xã hội Phú Văn).

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/4/2024 đến nay (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Thị Thu T không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và không bị kháng nghị: Không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00' ngày 08/04/2024, Đội CSĐT về ma túy Công an huyện Bình Chánh phối hợp với Công an xã Vĩnh Lộc A tiến hành kiểm tra cư trú tại địa chỉ: nhà không số, tổ 6, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Tại thời điểm kiểm tra, có mặt Lương Minh Việt và Trần Chi T; qua test nhanh Việt và T đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Việt và T khai nhận bản thân có sử dụng trái phép chất ma túy trước đó nhưng chưa tổ chức sử dụng chung lần nào.

Vào khoảng 21h00' ngày 08/4/2024, Việt và T hùn tiền mỗi người 100.000 đồng (T ứng trước tiền cho Việt), rồi đến nhà của Trần Thị Thu T tại địa chỉ: nhà không số, tổ 14, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh mua ma túy để sử dụng chung. Tại đây, Việt gặp và hỏi Rô mua 200.00 đồng ma túy đá, Việt đưa tiền và nhận 01 gói ma túy từ Rô, rồi chở T về nhà ở địa chỉ nêu trên định sử dụng chung nhưng chưa sử dụng thì bị Công an kiểm tra nên T đã ném số ma túy đi (không thu giữ được ma túy).

Từ lời khai của Việt và T, vào khoảng 13h30' ngày 09/04/2024, Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an huyện Bình Chánh phối hợp Công an xã Vĩnh Lộc B kiểm tra cư trú tại nhà không số, tổ 14, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh; tại thời điểm kiểm tra, trong nhà có mặt Trần Thị Thu T và Bùi Thanh S. Khi lực lượng Công an vào kiểm tra thì T cầm 01 bịch nylon chứa tinh thể không màu định vứt vào bồn cầu làm tinh thể không màu rơi vãi dưới nền gạch nhà vệ sinh; T khai nhận là ma túy đá cất giữ với mục đích để T và Bùi Thanh S bán lại cho người khác kiếm lời. Công an tiến hành lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng và đưa T cùng Bùi Thanh S về trụ sở Công an xã Vĩnh Lộc B để làm việc.

Tại Bản kết luận giám định số 4541/KL-KTHS ngày 17/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong

một gói nylon được niêm phong qua giám định có khối lượng 0,3213g là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định:

- Trần Thị Thu T khai nhận: T và Bùi Thanh S sống với nhau như vợ chồng, T bắt đầu bán ma túy để kiếm lời được khoảng 01 tháng thì bị phát hiện. Nguồn ma túy T bán là mua của người đàn ông tên H (không rõ lai lịch) tại khu vực phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. T sử dụng lợi nhuận thu được từ việc bán ma túy chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Khoảng 18h00' ngày 08/4/2024, T gặp H mua 300.000 đồng ma túy đá, mang về phân ra làm 03 gói (gồm: 02 gói nhỏ và 01 gói lớn) và T đưa cả 03 gói ma túy cho Bùi Thanh S cất giữ. Khi đưa ma túy cho Bùi Thanh S, T có dặn 02 gói ma túy nhỏ giá 200.000 đồng/gói. Đến khoảng 21h00' cùng ngày, lúc T đang ở trong phòng thì Rô (không rõ lai lịch) cầm 200.000 đồng đưa cho T và nói có khách (là T và Việt) đến hỏi mua 200.000 đồng ma túy. T đồng ý bán và kêu Bùi Thanh S lấy 01 gói ma túy nhỏ đưa cho Rô để Rô mang ra bán khách. Đến sáng ngày 09/4/2024, T kêu Bùi Thanh S đưa 02 gói ma túy còn lại cho T. T lấy 01 gói nhỏ sử dụng, còn lại 01 gói ma túy lớn T cất giấu trong người thì bị phát hiện bắt quả tang như nội dung nêu trên. T khai Bùi Thanh S và Rô bán ma túy cho T 01 lần vào ngày 08/4/2024, các lần khác do khách đến nhà và T trực tiếp bán. T đã bán ma túy cho nhiều người nhưng không rõ họ tên, địa chỉ, số lượng ma túy.

- Bùi Thanh S khai nhận: Bùi Thanh S biết việc T mua bán ma túy tại nhà không số, tổ 14, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (nhà của mẹ Bùi Thanh S cho Bùi Thanh S quản lý) vào khoảng 01 tháng trước. Bùi Thanh S đồng ý và giúp sức cho T sử dụng nhà trên để cất giữ ma túy và bán cho người nghiện. Bùi Thanh S cất giữ và trực tiếp bán ma túy cho khách 01 lần vào ngày 08/4/2024. Bùi Thanh S biết lợi nhuận từ việc mua bán ma túy T dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, phù hợp với lời khai của T.

- Lương Minh Việt khai nhận: Việt đã mua ma túy của T được khoảng 05 lần đều tại nhà không số, tổ 14, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Vào ngày 07/4/2024, Việt có đến mua ma túy của T và đã sử dụng hết một mình.

- Đối với đối tượng tên Rô: T và Bùi Thanh S khai Rô là người quen ngoài xã hội, không rõ lai lịch, địa chỉ của Rô, Rô bán ma túy giúp cho T 01 lần vào ngày 08/4/2024.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 227/2024/HS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2024.

- Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thanh S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên hình phạt tù có thời hạn và phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Thu T(không có kháng cáo), xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/9/2024, bị cáo Bùi Thanh S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt với lý do: có con còn nhỏ, mới giúp sức bán ma túy cho T 01 lần, đã thành khẩn khai báo và mức án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Bùi Thanh S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã kết luận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thị Thu T và Bùi Thanh S, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh S làm trong hạn và hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm;

Xét về yêu cầu kháng cáo: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Bùi Thanh S không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nhưng hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có con nhỏ sinh năm 2023, tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng và xử phạt bị cáo 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù là có phần nghiêm khắc; cấp phúc thẩm cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là thỏa đáng nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh S.

Đối với bị cáo Trần Thị Thu T, mặc dù không có kháng cáo tuy nhiên mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 11 (mười một) năm tù là có phần nghiêm khắc; cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xem xét lại mức hình phạt và giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh S, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh về hình phạt đối với các bị cáo; xử phạt bị cáo Bùi Thanh S từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Bùi Thanh S không tranh luận và tự bào chữa, bị cáo chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Bùi Thanh S làm đơn kháng cáo trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên về hình thức, được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Ngoài ra, cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xem xét các phần khác của bản án không bị kháng cáo về trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị Thu T.

[2]. Về nội dung vụ án, tội danh và hình phạt.

[2.1]. Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thanh S tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cấp sơ thẩm trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và lời khai của bị cáo Trần Thị Thu T; phù hợp với các T liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (tạm giữ đồ vật - T liệu; niêm phong, mở niêm phong vật chứng), bản Kết luận giám định, lời khai của (Trần Chí T và Lương Minh Việt, cùng các T liệu và biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Do chung sống với nhau như vợ chồng, muốn có tiền chi tiêu trong sinh hoạt hàng ngày nên các bị cáo Trần Thị Thu T và Bùi Thanh S đã đồng phạm thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời. Vào khoảng 13h30' ngày 09/4/2024, qua kiểm tra hành chính tại nơi cư trú, Công an bắt quả tang thu giữ của Trần Thị Thu T và Bùi Thanh S 0,3213 gam, loại Methamphetamine đang cất giấu mục đích để mua bán trái phép.

Tính đến ngày bị bắt, Bùi Thanh S và T đã ít nhất 02 lần thực hiện hành vi bán ma túy cho Lương Minh Việt vào các ngày 07 và 08/4/2024 (mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng); thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*”, là tình tiết định khung hình phạt.

Như vậy, với khối lượng chất ma túy ở thể rắn bị thu giữ và hành vi nêu trên của các bị cáo, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Trần Thị Thu T và Bùi Thanh S, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.2]. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về vai trò tham phạm tội của bị cáo đồng phạm giản đơn không có tổ chức, trong đó: bị cáo T giữ vai trò chính, bị cáo Bùi Thanh S là người giúp sức tích cực; các bị cáo có nhân thân xấu; không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi - để áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo;

và xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Tmức án cao hơn bị cáo Bùi Thanh S là có căn cứ pháp luật.

[2.3]. Về yêu cầu kháng cáo:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Bùi Thanh S không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, lý do kháng cáo nêu ra đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên về tính chất, mức độ phạm tội, các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Trong vụ án, các bị cáo T và Bùi Thanh S chung sống với nhau như vợ chồng và có 01 con chung sinh năm 2023, phạm tội thuộc trường hợp không có tình tiết tăng nặng, khối lượng ma túy cất giấu mục đích mua bán trái phép bị bắt quả tang thu giữ là 0,3213 gam Methamphetamine và Bùi Thanh S đã giúp sức cho T trực tiếp bán cho Lương Minh Việt 01 lần 01 gói ma túy đá (không xác định khối lượng) với giá 200.000 đồng. Theo đó, mức án cấp sơ thẩm xử phạt: bị cáo Bùi Thanh S 09 năm 06 tháng tù và bị cáo Trần Thị Thu T11 năm tù, là có phần nghiêm khắc.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thanh S và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Thị Thu T(không kháng cáo) để đảm bảo tính có căn cứ và công bằng trong việc phân hóa trách nhiệm hình sự của bị cáo đồng phạm về hình phạt.

[2.4]. Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo Bùi Thanh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm - theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4]. Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh S; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 227/2024/HS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự của các bị cáo Trần Thị Thu T và Bùi Thanh S.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 35 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Mua

bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Thu Tsố tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 35 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Bùi Thanh S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2024.

- Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thanh S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí; Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Bùi Thanh S không phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- TA ND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- THA-DS H. Bình Chánh; (1)
- VKSND H. Bình Chánh; ; (1)
- TAND H. Bình Chánh; ; (2)
- Công an H. Bình Chánh; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam Chí Hòa PC81B (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (24)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh